

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 03 năm 2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢN HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, chế biến thủy sản.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Số lượng hàng thủy sản chế biến và bán ra trong kỳ nhiều hơn so với các kỳ trước do:
 - Công ty Cổ Phần Nam Việt (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng bán thành phẩm bao bì cho Công ty TNHH Đại Tây Dương.
 - Công ty có ký hợp đồng để Công ty TNHH Đại Tây Dương thực hiện bán thành phẩm cho Công ty.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 03 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4-7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7
Tài sản cố định khác	3-6

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 03 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chi phí đền bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định của Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UB ngày 11 tháng 5 năm 2000, Công ty Cổ Phần Nam Việt có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản là 20% trên thu nhập chịu thuế, Công ty Cổ Phần Nam Việt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Cục thuế Tỉnh An Giang đã chấp nhận cho Công ty Cổ Phần Nam Việt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2002.

Trong các lần mở rộng sản xuất từ năm 2001 đến năm 2004, Công ty Cổ Phần Nam Việt đều được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các phần mở rộng sản xuất. Ngày 14 tháng 8 năm 2006, Công ty Cổ Phần Nam Việt có Công văn gửi cho Cục thuế Tỉnh An Giang kiến nghị để được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Ngày 28 tháng 11 năm 2006 trả lời chấp nhận Công ty Cổ Phần Nam Việt được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% cho các ưu đãi đầu tư cho các phần mở rộng sản xuất.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 03 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/03/2008 của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt hợp nhất với báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty TNHH Ân Độ Dương.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
Tiền mặt	5,617,250,491	42,594,701,231
Tiền gửi ngân hàng	174,021,688,089	223,848,225,290
Cộng	<u>179,638,938,580</u>	<u>266,442,926,521</u>

2. Các khoản phải thu

	<u>31/03/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
Phải thu trong nước	49,645,463,556	56,063,157,759
Phải thu nước ngoài	406,843,236,241	288,785,001,416
Phải thu nội bộ	449,329,016,493	373,306,836,206
Cho vay nội bộ	528,834,440,397	370,462,925,274
Trả trước người bán	17,423,220,225	28,862,722,067
Các khoản phải thu khác	40,499,309,992	10,125,056,440
Dự phòng phải thu khó đòi	(9,147,866,772)	(9,147,866,772)
Cộng	<u>1,483,426,820,132</u>	<u>1,118,457,832,390</u>

3. Hàng tồn kho

	<u>31/03/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
Hàng đang trên đường	0	1,333,742,000
Nguyên vật liệu	9,591,491,425	7,898,245,656
Công cụ dụng cụ	3,945,823,797	5,734,138,668
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	982,986	163,645,243
Thành phẩm	84,829,184,414	129,775,880,373
Hàng hoá	15,195,808,836	83,186,026,874
Hàng gửi bán	19,504,621,380	3,407,813,164
Cộng	<u>133,067,912,838</u>	<u>231,499,491,978</u>

4. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/03/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
Tạm ứng mua hàng	33,509,624,531	28,723,065,002

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 03 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 31/12/2007	59,122,805,204	121,376,358,569	14,171,151,455	4,926,128,064		199,596,443,292
Tăng trong kỳ		1,252,912,229	2,920,397,112	24,627,780		4,197,937,121
Tăng khác						
Giảm trong kỳ						
Giảm khác						
Tại ngày 31/03/2008	<u>59,122,805,204</u>	<u>122,629,270,798</u>	<u>17,091,548,567</u>	<u>4,950,755,844</u>		<u>203,794,380,413</u>
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 31/12/2007	31,944,398,128	48,099,544,867	4,601,256,361	1,902,827,760		86,548,027,116
Tăng trong kỳ	2,251,752,109	3,846,501,998	683,935,260	246,490,197		7,028,679,564
Tăng khác						
Giảm trong kỳ						
Giảm khác						
Tại ngày 31/03/2008	<u>34,196,150,237</u>	<u>51,946,046,865</u>	<u>5,285,191,621</u>	<u>2,149,317,957</u>		<u>93,576,706,680</u>
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	27,178,407,076	73,276,813,702	9,569,895,094	3,023,300,304		113,048,416,176
Số dư cuối năm	24,926,654,967	70,683,223,933	11,806,356,946	2,801,437,887		110,217,673,733

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2007	16,183,967,822	148,538,500	16,332,506,322
Tăng trong kỳ			
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 31/03/2008	<u>16,183,967,822</u>	<u>148,538,500</u>	<u>16,332,506,322</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 31/12/2007		89,900,001	89,900,001
Tăng trong kỳ		10,628,207	10,628,207
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 31/03/2008		<u>100,528,208</u>	<u>100,528,208</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	16,183,967,822	58,638,499	16,242,606,321
Số dư cuối năm	16,183,967,822	48,010,292	16,231,978,114

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 03 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tại ngày 31/12/2007	353,513,374,426
Tăng trong kỳ	59,182,982,989
Chuyển sang tài sản cố định	1,084,940,040
Tại ngày 31/03/2008	411,611,417,375

8. Đầu tư dài hạn khác

	31/03/2008	31/12/2007
Đầu tư chứng khoán	155,200,000,000	155,200,000,000
Đầu tư trái phiếu	10,000,000	10,000,000
Đầu tư dài hạn khác	129,014,500,000	23,200,000,000
Cộng	284,224,500,000	178,410,000,000

9. Tài sản dài hạn khác

	31/03/2008	31/12/2007
Chi phí trả trước dài hạn	0	116,901,578
Ký quỹ để đảm bảo tiền vay của Quỹ đầu tư phát triển	23,400,000,000	23,400,000,000
	23,400,000,000	23,516,901,578

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/03/2008	31/12/2007
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín HCM	198,000,000,000	100,000,000,000
Ngân hàng đầu tư và phát triển	165,202,000,000	0
Ngân hàng ANZ HCM	114,048,000,000	0
Ngân hàng A Châu HCM	70,653,960,000	0
Công ty LD Biển Đông	4,800,000,000	0
Nợ dài hạn đến hạn trả	14,720,000,000	17,664,000,000
Cộng	567,423,960,000	117,664,000,000

11. Phải trả người bán

	31/03/2008	31/12/2007
Phải trả trong nước	81,373,473,611	54,023,746,516
Phải trả nước ngoài	7,350,669,479	4,156,289,269
Cộng	88,724,143,090	58,180,035,785

12. Người mua trả tiền trước

	31/03/2008	31/12/2007
Khách hàng trong nước	1,715,837,016	1,080,663,394
Khách hàng nước ngoài	12,798,842,987	2,886,106,851
Cộng	14,514,680,003	3,966,770,245

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2008	31/12/2007
Thuế GTGT	35,690,765	2,509,486,068
Thuế xuất nhập khẩu	1,250,626,894	953,534,502
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23,867,015,061	22,727,103,509
Thuế thu nhập cá nhân	46,512,685	0
Các loại thuế khác	0	23,749,736
Cộng	25,199,845,405	26,213,873,815

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 03 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mở cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

14. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 13 còn phải trả nhân viên.

15. Chi phí phải trả

Lương tháng 13 còn phải trả nhân viên

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/03/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
Hàng chờ hoá đơn	9,128,289,437	3,868,867,935
Bảo hiểm xã hội phải nộp	1,033,015,068	605,628,645
Cổ tức phải trả	5,129,386,800	79,200,000,000
Phải trả phải nộp khác	2,818,571,446	2,940,262,926
Cộng	<u>18,109,262,751</u>	<u>86,614,759,506</u>

17. Vay và nợ dài hạn

	<u>31/03/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
Quỹ hỗ trợ phát triển An Giang (a)	23,529,132,664	25,001,132,664
Ngân hàng An Bình Cần Thơ (b)	74,718,670,000	74,718,670,000
Cộng	<u>98,247,802,664</u>	<u>99,719,802,664</u>

a, Khoản vay Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển An Giang theo Hợp đồng vay số 08/HTPT. TDĐP 2004 ngày 22 tháng 4 năm 2004, chi tiết:

+	Mục đích vay	: Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Thái Bình Dương
+	Số tiền vay	: 78.000.000.000 VNĐ
+	Thời hạn vay	: 6 năm
+	Thời hạn rút vốn	: Năm 2004 và 2005

b, Khoản vay An Bình Cần Thơ theo Hợp đồng vay số 0479/2007/HĐTD(14/09/2007)

Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Ấn Độ Dương

+	Số tiền vay	: 270.000.000.000 VNĐ
+	Thời hạn vay	: 6 năm

18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 31/12/2007	660,000,000,000	611,965,459,100		410,668,808,702	8,638,922,582
Tăng trong kỳ			23,967,782,828	72,773,354,069	
Giảm trong kỳ					624,285,395
Số dư tại ngày 31/03/2008	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>23,967,782,828</u>	<u>483,442,162,771</u>	<u>8,014,637,187</u>

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ

Tổng số cổ phần : 66.000.000 CP

Quỹ phúc lợi tăng trong kỳ là do tạm trích theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 03 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	587,007,443,108	651,355,181,987
Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ	113,261,232,318	166,930,484,799
Cộng	<u>700,268,675,426</u>	<u>818,285,666,786</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	465,947,238,539	476,992,969,641
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	85,964,037,895	147,087,720,795
Cộng	<u>551,911,276,434</u>	<u>624,080,690,436</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14,508,530,279	8,056,464,189
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,003,539,221	
Lãi chênh lệch tỷ giá	6,409,057,985	2,075,103,270
Cộng	<u>22,921,127,485</u>	<u>10,131,567,459</u>

4. Chi phí tài chính

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Lãi vay	6,633,997,904	4,333,190,614
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13,002,814,910	5,593,716,030
Chi phí khác	2,167,742	
Cộng	<u>19,638,980,556</u>	<u>9,926,906,644</u>

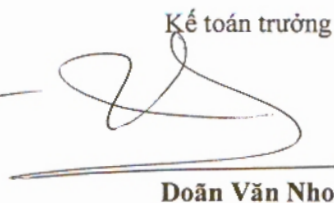
VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

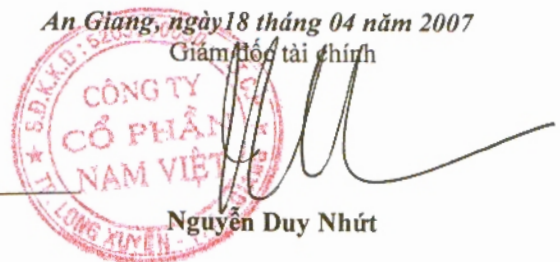
1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Như đã trình bày trong mục cơ sở lập Báo cáo tài chính, Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục xin phê duyệt dự án đầu tư thành lập Ngân hàng cổ phần thương mại.

Lập biểu

Dương Minh Phong

Kế toán trưởng

Đoàn Văn Nho

An Giang, ngày 18 tháng 04 năm 2007
Giám đốc tài chính

Nguyễn Duy Nhứt

